

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 05 năm 2023

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN CÁC SÔNG
KHU VỰC TỈNH THANH HÓA**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước các sông thuộc lưu vực sông Mã biến đổi chậm, riêng dòng chính sông Mã và sông Chu mực nước dao động theo vận hành của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện. Vùng cửa sông ven biển mực nước dao động theo thủy triều. Mực nước các sông thuộc lưu vực sông Yên ở mức thấp và dao động theo thủy triều.

2. Dự báo, cảnh báo

Mực nước các sông thuộc lưu vực sông Mã biến đổi chậm, riêng dòng chính sông Mã và sông Chu mực nước dao động theo vận hành của các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; vùng cửa sông ven biển mực nước dao động theo thủy triều. Mực nước các sông thuộc lưu vực sông Yên ở mức thấp và dao động theo thủy triều.

Đề phòng khả năng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất tại vùng triều do xâm nhập mặn lấn sâu vào vùng cửa sông ven biển.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30 ngày 01/06/2023

Tin phát lúc: 11h30 ngày 31/05/2023

Dự báo viên: **Nguyễn Danh Lam**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Vụ Quản lý dự báo KTTV.
- Lãnh đạo và phòng DBKTTV, Đài KTTV KV BTB.
- Lãnh đạo Đài KTTV tỉnh Thanh Hóa.
- Văn phòng thường trực BCH PCTT & TKCN tỉnh Thanh Hóa.
- 24 trạm Khí tượng, Hải văn, MT và Thủy văn trong tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu VP, DB.



Trịnh Thế Thành

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm vùng không ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm | Thực đo | Mực nước dự báo | | | |
|------|-------------|----------|-----------------|-----------|----------|----------|
| | | 7h/31/05 | 13h/31/05 | 19h/31/05 | 1h/01/06 | 7h/01/06 |
| Mã | Mường Lát | 16382 | 16389 | 16387 | 16380 | 16385 |
| - | Hồi Xuân | 5360 | 5395 | 5360 | 5380 | 5365 |
| - | Cầm Thủy | 1137 | 1195 | 1155 | 1200 | 1145 |
| - | Lý Nhân | 144 | 130 | 150 | 140 | 145 |
| Bưởi | Thạch Quảng | 645 | 644 | 642 | 640 | 639 |
| - | Kim Tân | 179 | 178 | 176 | 174 | 172 |
| Âm | Lang Chánh | 4681 | 4681 | 4681 | 4681 | 4681 |
| Chu | Cửa Đạt | 2745 | 2695 | 2745 | 2705 | 2730 |
| - | Bái Thượng | 1068 | 1110 | 1060 | 1100 | 1050 |
| - | Xuân Khánh | 113 | 85 | 95 | 130 | 118 |

Bảng 2: Mực nước thực đo (từ 7h/30/05 - 7h/31/05) và dự báo (từ 7h/31/05 - 7h/01/06) các trạm vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

| Sông | Trạm | Thực đo | | Dự báo | |
|------|------------|---------|-----|--------|-----|
| | | Max | Min | Max | Min |
| Mã | Giàng | 123 | 19 | 90 | -30 |
| | Quảng Châu | 89 | -4 | 78 | 1 |
| Lèn | Lèn | 155 | 61 | 145 | 65 |
| | Cụ Thôn | 146 | 54 | 135 | 58 |
| Yên | Chuối | 72 | -14 | 68 | -10 |
| | Ngọc Trà | 71 | -1 | 61 | 4 |

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm:



